

Bản án số: 212/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân.

2. Ông Trần Thế Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2022, về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NGUYỄN THỊ Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 600, đường Kim Bình, tổ dân phố 01, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh NGUYỄN NGỌC T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số nhà 600, đường Kim Bình, tổ dân phố 01, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị NGUYỄN THỊ Q trình bày: Tôi và anh NGUYỄN NGỌC T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh Hà Giang, vào ngày 21/12/2010 và hai bên gia đình có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng ở tổ dân

phố 01, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hòa hợp; bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh NGUYỄN NGỌC T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh NGUYỄN NGỌC T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012; cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/12/2020. Khi ly hôn, tôi nhận là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Anh T và cháu Nguyễn Quang Đ và tôi nhất trí anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang H. Tôi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn anh NGUYỄN NGỌC T không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình về việc chị NGUYỄN THỊ Q xin ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012, được biết khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ là NGUYỄN THỊ Q. Ý kiến của cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 là khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở trực tiếp với bố là NGUYỄN NGỌC T.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị Q cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 175; Quyền số 01, mang tên chồng NGUYỄN NGỌC T, mang tên vợ NGUYỄN THỊ Q.

- 02 bản sao Căn cước công dân tên NGUYỄN THỊ Q và NGUYỄN NGỌC T.

- 03 bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012; Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 và Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/12/2020.

- 01 bản sao Xác nhận thông tin về cư trú mang tên NGUYỄN THỊ Q.

Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị NGUYỄN THỊ Q và anh NGUYỄN NGỌC T được biết: Chị Q và anh T là vợ chồng, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 01, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian gần đây chị Q và anh T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thường không có mặt ở địa phương và đi đâu làm gì địa phương không biết. Chị Q có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Q và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012; cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/12/2020. Chị Q và anh T có tài sản chung gì địa phương không biết. Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung thì địa phương không nắm được.

Tòa án làm việc với ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị T là bố mẹ đẻ của anh NGUYỄN NGỌC T được biết: Chị Q và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình tôi ở tổ dân phố 01, phường N, thành phố T, đến tháng 7/2023 chị Q, anh T lên tỉnh Hà Giang làm ăn, sinh sống, sau đó anh T đi thành phố Hà Nội làm ăn và vẫn gửi tiền về cho tôi nuôi con của anh T, chị Q. Nay chị Q xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị Q và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012; cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/12/2020; hiện nay cháu H và cháu Đ đang ở với vợ chồng tôi; cháu T ở với chị Q trên tỉnh Hà Giang. Về tài sản chung; tài sản cho vay và vay nợ chung của chị Q và anh T thì tôi không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị Q đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh T còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NGUYỄN THỊ Q được ly hôn với anh NGUYỄN NGỌC T.

- Về con chung: + Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2012, và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2020 cho chị NGUYỄN THỊ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014, cho chị anh NGUYỄN NGỌC T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị NGUYỄN THỊ Q và anh NGUYỄN NGỌC T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết.
- Chị NGUYỄN THỊ Q phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh NGUYỄN NGỌC T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị NGUYỄN THỊ Q và anh NGUYỄN NGỌC T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh Hà Giang, vào ngày 21/12/2010 và hai bên gia đình có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà chồng đến tháng 7/2023 thì lên tỉnh Hà Giang làm ăn sinh sống và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vậy chị Q có khởi kiện xin ly hôn với anh T. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Q và anh T có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị Q là được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2012; cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/8/2014 và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26/12/2020. Xét thấy cháu T, cháu H và cháu Đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên vọng của cháu T là được ở trực tiếp với mẹ; nguyên vọng của cháu H là được ở với bố khi bố mẹ ly hôn; cháu Đ hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ là chị Q hơn anh T. Chị Q tự nguyện không yêu cầu hai bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Q và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với bị đơn anh NGUYỄN NGỌC T quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc chị Q xin ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. **Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14**, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt chị Q và anh T theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. **Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14**, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NGUYỄN THỊ Q được ly hôn với anh NGUYỄN NGỌC T (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 175, Quyển số 01, ngày 21/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh Hà Giang*).

2. Về con chung: + Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2012, và cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2020 cho chị NGUYỄN THỊ Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2014 cho anh NGUYỄN NGỌC T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị NGUYỄN THỊ Q và anh NGUYỄN NGỌC T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: - Chị NGUYỄN THỊ Q phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000322, ngày 30 tháng 01 năm 2024, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị NGUYỄN THỊ Q đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh NGUYỄN NGỌC T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị NGUYỄN THỊ Q và anh NGUYỄN NGỌC T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND TT. Việt Quang, huyện B, tỉnh Hà Giang (nơi đăng ký KH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn